

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 87/2019/DS-ST
Ngày: 15-10-2019
“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC - TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Miên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Hồng Điều
2. Ông Nguyễn Ngọc Ân

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Xuân - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 358/2019/TLST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2019 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2019/QĐST-DS ngày 26 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần P.

Địa chỉ trụ sở: Số 41-45 L, Phường B, quận 1, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Ngọc T –Chuyên viên thu hồi nợ - TTXLN- Ngân hàng TMCP P (Giấy ủy quyền ngày 14/7/2019). Có mặt.

Bị đơn:

1. Bà Võ Thị Bích T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp 2, xã N, huyện B, tỉnh L. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện B, tỉnh L. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 04-7-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP P do ông Đỗ Ngọc T đại diện trình bày:

Bà Võ Thị Bích T và ông Nguyễn Chí T ký hợp đồng tín dụng số 0139/2017/HĐTD-CN ngày 16/8/2017 với Ngân hàng TMCP P - chi nhánh L, phường giao dịch B (gọi tắt là ngân hàng) có nội dung: Ông T và bà T vay của ngân hàng vay số tiền 150.000.000 đồng, mục đích: mua xe ô tô, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 12%/năm, lãi suất điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Phương thức thanh toán: vào ngày 26 hàng tháng phải trả 3.125.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo dư nợ gốc thực tế trong vòng 48 tháng, bắt đầu trả từ 26/9/2017.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông T và bà T ký kết hợp đồng thế chấp hình thành trong tương lai số 0139/2017/BĐ ngày 17/8/2017, tài sản đảm bảo cho khoản vay là Chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu DONGBEN, màu xanh, biển số 62C-09536, theo giấy đăng ký số 015565 ngày 03/8/2017 do Công an tỉnh L cấp cho bà Võ Thị Bích T. Tài sản đảm bảo đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 17/8/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố H.

Thực hiện hợp đồng, ngày 18/8/2017, ngân hàng đã giải ngân 150.000.000 đồng vào tài khoản số 0056110002854007 của bà Võ Thị Bích T, cùng ngày bà T chuyển tiền cho công ty TNHH Cơ khí ô tô Phú Cường. Tuy nhiên, bà T và ông T chỉ thanh toán được 10 kỳ với số tiền 31.286.880 đồng nợ gốc, 14.178.125 đồng nợ lãi. Từ ngày 31/8/2018 đến nay thì ngưng, không tiếp tục thanh toán cho đến nay. Tính đến ngày 15/10/2019 thì ông T, bà T còn nợ 118.713.120 đồng nợ gốc, 15.177.917 đồng lãi trong hạn, 5.634.444 đồng lãi quá hạn, 1.942.662 đồng lãi chậm trả, tổng cộng 141.468.143 đồng.

Việc ông T, bà T không thanh toán tiếp cho ngân hàng từ ngày 31/8/2018 đến nay là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Do đó, ngân hàng có quyền khởi kiện yêu cầu ông T bà T phải thanh toán toàn bộ số nợ theo điểm k khoản 3 Điều 5 Hợp đồng tín dụng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Võ Thị Bích T và ông Nguyễn Chí T phải trả cho ngân hàng số tiền 139.525.481 đồng, bao gồm 118.713.120 đồng nợ gốc, 15.177.917 đồng lãi trong hạn, 5.634.444 đồng lãi quá hạn. Yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 16/10/2019 đến khi thanh toán hết toàn bộ số nợ trên. Ngân hàng không yêu cầu ông T, bà T trả 1.942.662 đồng tiền lãi chậm trả trong vụ án này.

Chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu DONGBEN, màu xanh, biển số 62C-09536, theo giấy đăng ký số 015565 ngày 03/8/2017 do Công an tỉnh Long An cấp cho bà Võ Thị Bích T theo hợp đồng thế chấp số 0139/2017/BĐ ngày 17/8/2017 được đảm bảo cho khoản vay. Hiện nay ngân hàng đang giữ giấy tờ xe của bà T và ông Nguyễn Chí T đang quản lý tài sản thế chấp.

Tại bản tự khai ngày 12/9/2019, biên bản hoà giải và tại phiên toà, bị đơn Võ Thị Bích T trình bày:

Bà T thừa nhận bà và ông T ký kết hợp đồng tín dụng số 0139/2017/HĐTD-CN ngày 16/8/2017 với Ngân hàng TMCP P để vay số tiền 150.000.000 đồng, mục đích vay mua xe ô tô, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 12%/năm, lãi suất điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn như ngân hàng trình bày là đúng.

Ngân hàng đã giải ngân số tiền 150.000.000 đồng vào số tài khoản của bà và bà đã sử dụng số tiền đó để thanh toán tiền xe ô tô cho Công ty TNHH cơ khí ô tô P. Theo hợp đồng thì bà và ông T có nghĩa vụ thanh toán 48 tháng, vào ngày 26 hàng tháng phải trả 3.125.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo dư nợ gốc thực tế trong vòng 48 tháng, bắt đầu trả từ 26/9/2017.

Để đảm bảo cho khoản vay, bà và ông T ký kết hợp đồng thế chấp hình thành trong tương lai số 0139/2017/BĐ ngày 17/8/2017, tài sản đảm bảo cho khoản vay là Chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu DONGBEN, màu xanh, biển số 62C-09536, theo giấy đăng ký số 015565 ngày 03/8/2017 do Công an tỉnh L cấp cho bà Võ Thị Bích T. Tài sản đảm bảo đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 17/8/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố H. Hiện nay Ngân hàng đang giữ giấy đăng ký xe và ông T đang quản lý xe ô tô.

Sau khi ký hợp đồng với ngân hàng thì bà và ông T ly thân, chiếc xe ô tô do ông T quản lý và sử dụng, bà và ông T trả cho ngân hàng được 10 kỳ với số tiền 31.286.880 đồng nợ gốc, 14.178.125 đồng nợ lãi như Ngân hàng trình bày. Từ ngày 31/8/2018 mâu thuẫn giữa vợ chồng bà trầm trọng nên không tiếp tục thanh toán cho ngân hàng. Tính đến ngày 15/10/2019 thì bà và ông T còn nợ 118.713.120 đồng nợ gốc, 20.812.361 đồng nợ lãi, tổng cộng 139.525.481 đồng.

Hiện nay bà và ông T đã ly hôn theo Bản án số 53/2019/HNGĐ-ST ngày 19/8/2019, chưa yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thì bà yêu cầu một mình ông T có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng vì chiếc xe này ông T tự quản lý, sử dụng, tài sản chung vợ chồng ông T đều đứng tên.

Bà đồng ý chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu DONGBEN, màu xanh, biển số 62C-09536, theo giấy đăng ký số 015565 ngày 03/8/2017 do Công an tỉnh L cấp cho bà Võ Thị Bích T theo hợp đồng thế chấp số 0139/2017/BĐ ngày 17/8/2017 được đảm bảo cho khoản vay.

Toà án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên toà. Tuy nhiên, ông T đều không có mặt, không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngân hàng TMCP P yêu cầu bà Võ Thị Bích T và ông Nguyễn Chí T thanh toán tiền từ hợp đồng vay tài sản. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B.

[1.2] Bị đơn ông Nguyễn Chí T đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia tố tụng trong vụ án nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Hợp đồng tín dụng số 0139/2017/HĐTD-CN ngày 16/8/2017 giữa Ngân hàng TMCP P với ông Võ Thị Bích T và ông Nguyễn Chí T được xác lập theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, trên cơ sở tự nguyện, có nội dung phù hợp pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử nhận thấy đây là hợp đồng hợp pháp, là căn cứ để giải quyết về quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.2] Theo hợp đồng tín dụng thì ông T, bà Tâm vay của Ngân hàng 150 triệu đồng, lãi suất 12%/năm, thời hạn 48 tháng, phương thức thanh toán trả gốc lãi hàng tháng là 3.125.000 đồng định kỳ ngày 26 hàng tháng theo dư nợ thực tế. Ngân hàng đã giải ngân đủ 150 triệu đồng vào tài khoản bà T và bà T đã chuyển cho Công ty TNHH Cơ khí ô tô P. Tuy nhiên, ông T và bà T chỉ mới thanh toán cho ngân hàng 10 kỳ với số tiền 31.286.880 đồng nợ gốc, 14.178.125 đồng nợ lãi là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Bà T thừa nhận tính đến ngày 15/10/2019 thì ông T, bà T còn nợ Ngân hàng 118.713.120 đồng nợ gốc, 20.818.361 đồng nợ lãi, tổng cộng 139.525.481 đồng. Riêng ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ khác, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó, Ngân hàng khởi kiện ông T bà T thanh toán tiền còn nợ là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Về trách nhiệm trả nợ: Bà T cho rằng hiện nay bà và ông T đã được Tòa án nhân dân huyện Bến Lức giải quyết cho ly hôn nên yêu cầu ông T có nghĩa vụ một mình trả nợ cho ngân hàng nhưng không được ngân hàng đồng ý. Xét thấy, mặc dù ông T và bà T đã ly hôn nhưng chưa giải quyết về tài sản chung và nợ chung; Khoản vay của bà Thu, ông T với Ngân hàng là khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân nên ngân hàng yêu cầu hai người phải có trách nhiệm liên đới là hoàn toàn phù hợp.

[2.4] Về tài sản đảm bảo: Để đảm bảo cho khoản vay, bà T và ông T ký hợp đồng thế chấp hình thành trong tương lai số 0139/2017/BĐ ngày 17/8/2017, Tài sản đảm bảo cho khoản vay là Chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu

DONGBEN, màu xanh, biển số 62C-09536, theo giấy đăng ký số 015565 ngày 03/8/2017 do Công an tỉnh L cấp cho bà Võ Thị Bích T. Tài sản đảm bảo đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 17/8/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố H. Do đó, việc thế chấp là hợp pháp. Hiện nay ông T đang quản lý chiếc xe tải và ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay là phù hợp.

[2.5] Ngoài ra, ngân hàng yêu cầu Toà án tuyên cho Ngân hàng có quyền yêu cầu kê biên, phát mãi các tài sản khác của bà T và ông T để thanh toán hết nợ nếu như tài sản đảm bảo không đủ thanh toán. Tuy nhiên, vấn đề này không thuộc thẩm quyền của Toà án nên Toà án không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Võ Thị Bích T và ông Nguyễn Chí T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 139.525.481 đồng là 6.976.000 đồng theo quy định tại Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ngân hàng không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí mà ngân hàng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P. Buộc bà Võ Thị Bích T và ông Nguyễn Chí T có nghĩa vụ trả Ngân hàng TMCP P số tiền 139.525.481 đồng (trong đó nợ gốc 118.713.120 và 20.818.361 đồng nợ lãi tính đến ngày 15/10/2019).

Tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng từ ngày 16/10/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu DONGBEN, màu xanh, biển số 62C-09536, theo giấy đăng ký số 015565 ngày 03/8/2017 do Công an tỉnh L cấp cho bà Võ Thị Bích T theo hợp đồng thế chấp số 0139/2017/BĐ ngày 17/8/2017 được đảm bảo cho khoản vay.

2. Về án phí: Bà Võ Thị Bích T và ông Nguyễn Chí T phải chịu 6.976.000 đồng (Sáu triệu chín trăm bảy mươi sáu ngàn đồng) sung Ngân sách nhà nước.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP P 3.377.000 đồng (Ba triệu ba trăm bảy mươi bảy ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu số 0001148 ngày 02/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được công bố hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L.
- VKSND huyện B.
- THA huyện B.
- Các đương sự.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên, đóng dấu)

Hồ Thị Miên